BÀI: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (TRANG 84)

CHƯƠNG 4: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000

MÔN: TOÁN – CÁNH DIỀU - LỚP 2

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1.

a) Số?

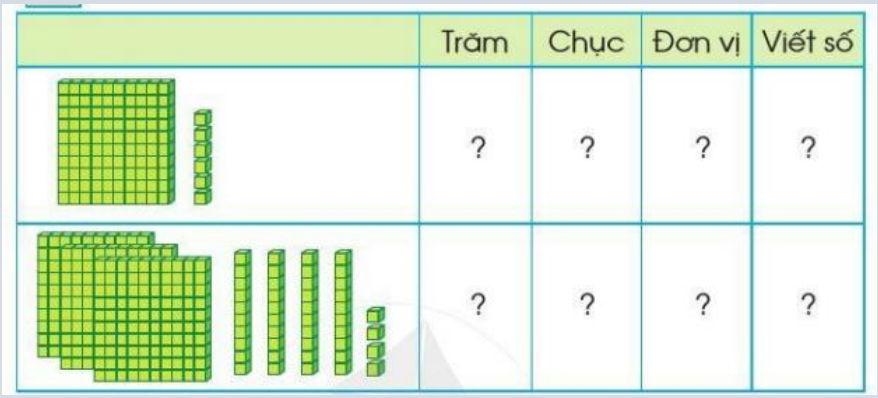

b) Số?

391 gồm ? trăm ? chục ? đơn vị, ta viết 391 = ? + ? + ?

928 gồm ? trăm ? chục ? đơn vị, ta viết 928 = ? + ? + ?

770 gồm ? trăm ? chục ? đơn vị, ta viết 770 = ? + ? + ?

Phương pháp:

a) Quan sát hình vẽ, mỗi ô vuông lớn gồm 100 hình lập phương nhỏ.

Xác định các số có ba chữ số từ hình vẽ rồi viết số trăm, chục, đơn vị thích hợp.

b) Xác định chữ số ở các hàng trăm, chục, đơn vị rồi viết số đã cho thành tổng.

Cách giải:

a)

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số
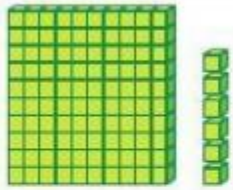	1	0	6	106
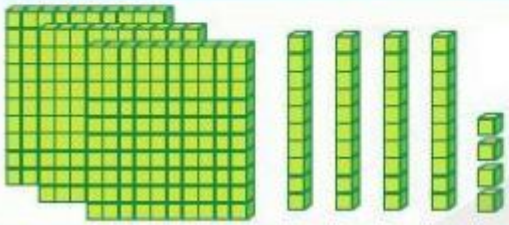	3	4	4	344

b)

391 gồm 3 trăm 9 chục 1 đơn vị, ta viết 391 = 300 + 90 + 1

928 gồm 9 trăm 2 chục 8 đơn vị, ta viết 928 = 900 + 20 + 8

770 gồm 7 trăm 7 chục 0 đơn vị, ta viết 770 = 700 + 70 + 0

Câu 2.

>, <, =

298 ? 503 189 ? 189

972 ? 890 403 ? 430

Phương pháp:

So sánh các số có ba chữ số:

- Số nào có chữ số hàng trăm lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu chữ số hàng trăm bằng nhau ta so sánh chữ số hàng chục.
- Nếu chữ số hàng trăm và hàng chục giống nhau ta so sánh chữ số hàng đơn vị.

.Cách giải:

298 < 503 189 = 189

972 > 890 403 < 430

Bài 3.

a) Đặt tính rồi tính:

239 + 415 782 + 56 484 – 247 622 – 71

b) Số?

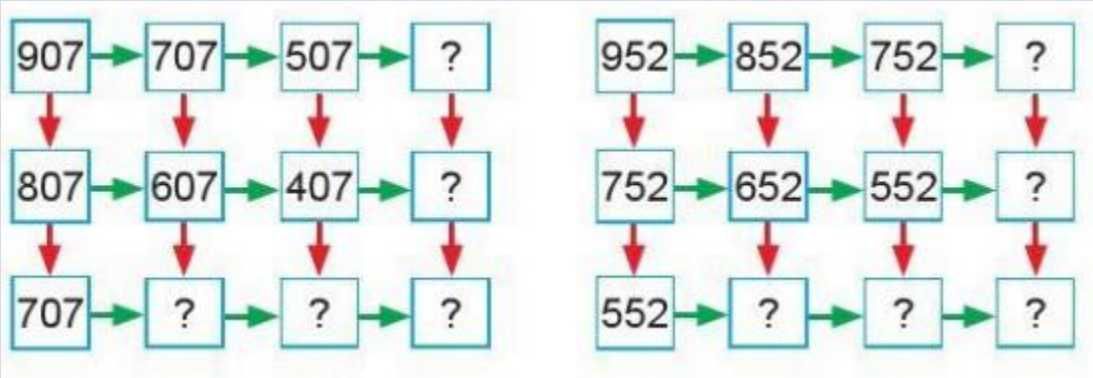

Phương pháp:

a) Đặt tính sao cho các chữu số cùng hàng thẳng cột với nhau.

Tính theo thứ tự từ phải sang trái.

b) Quan sát các hình vẽ ta thấy hai số đứng cạnh nhau trong hàng ngang, hàng dọc sẽ hơn kém nhau 100 đơn vị hoặc 200 đơn vị. Từ đó ta điền được các số còn thiếu.

Cách giải:

a)

239	782	484	622
+ 415	+ 56	– 247	– 71
654	838	237	551

b)

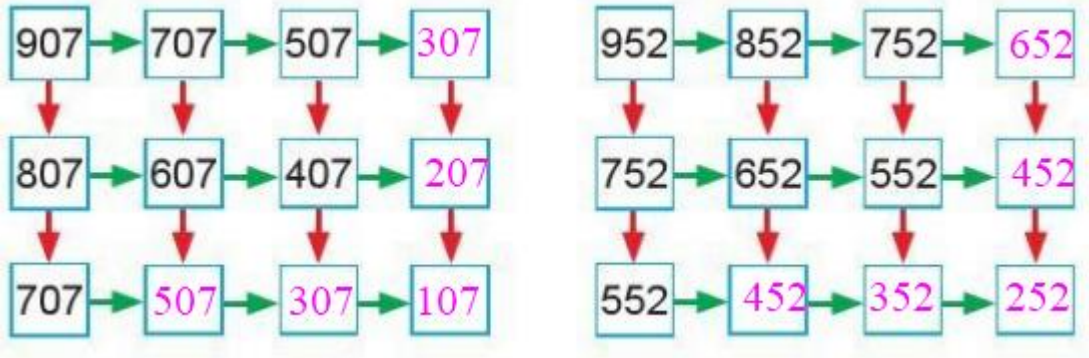

Bài 4.

Quan sát biểu đồ tranh sau rồi trả lời các câu hỏi:

Phương pháp:

Quan sát biểu đồ, đếm số học sinh của mỗi lớp tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật rồi trả lời câu hỏi.

Cách giải:

a) Lớp 2B có 3 học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật.

b) Lớp 2C có nhiều học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật nhất.

Bài 5.

Một người đi 18 km để đến thị trấn, sau đó lại đi tiếp 12 km để đến thành phố. Hỏi người đó đã đi được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét?

Phương pháp:

Số km người đó đi được = Quãng đường người đó đi đến thị trấn + quãng đường từ thị trấn đến thành phố.

Cách giải:

Người đó đã đi được tất cả số ki-lô-mét là

18 + 12 = 30 (km)

Đáp số: 30 km

Bài 6.

Tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng:

Phương pháp:

Tính độ dài các quãng đường từ phòng học STEM đến nhà đa năng rồi tìm con đường ngắn nhất.

Cách giải:

Quãng đường từ phòng học STEM – bể bơi – vườn trường – nhà đa năng là

300 + 470 + 150 = 920 (m)

Quãng đường từ phòng học STEM – lớp học – thư viện – nhà đa năng là

250 + 300 + 450 = 1000 (m)

Quãng đường từ phòng học STEM – bể bơi – thư viện – nhà đa năng là

300 + 250 + 450 = 1000 (m)

Vậy quãng đường ngắn nhất là phòng học STEM – bể bơi – vườn trường – nhà đa năng.

Loigiaihay.com